

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 22-9-2021
V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Bế Chiến

Các Thẩm phán: Ông Nông Hà Nam

Ông Ngôn Ngọc Viên

- Thư ký phiên toà: Bà Ma Thị Huyền - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Luyện Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2021/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2021 về Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 82/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nông Thị S, sinh năm 1989. Có mặt

Địa chỉ: Xóm R, xã L, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

- Luật sư Nguyễn Đ – Văn phòng Luật sư Nguyễn Đ, Đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng. Địa chỉ: Tổ 12, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

- Trợ giúp viên Bế Văn B – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt

- *Bị đơn:* Vi Văn N, sinh năm 1988. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm R, xã L, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Nông Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 4 năm 2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nông Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Vi Văn N xác lập quan hệ hôn nhân có

đăng ký kết hôn tại UBND xã Y (nay là xã L) huyện Q, tỉnh Cao Bằng ngày 12/4/2010. Thời gian đầu vợ chồng sống chung với gia đình nhà chồng thì quan hệ vợ chồng và gia đình hạnh phúc, êm đềm. Đến năm 2013 sau khi sinh cháu thứ hai Vi Diễm P thì hai vợ chồng hay xảy ra cãi nhau, chồng hay uống rượu về chửi, đánh tôi, ban hòa giải xóm đến hòa giải, khuyên bảo chồng tuy nhiên chỉ được vài hôm chồng tôi lại có hành vi thô bạo chửi, đánh đập tôi. Đặc biệt 20 giờ ngày 20/5/2019 tôi bị chồng đánh đến mức phải vào bệnh viện cấp cứu, điều trị nội trú, công an huyện đã giải quyết việc này. Sau đó tôi không chịu được nên tôi đã đi làm công nhân, anh N hay nhắn tin xúc phạm tôi, nói tôi đi làm nghề bất chính, khi tôi về nhà có mua quà cho con nhưng anh N không cho con dùng và bắt con mang trả lại cho tôi, tôi đã ly thân với anh N từ năm 2019 đến nay, tôi xác định không còn tình cảm với anh N, nên tôi giữ yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Tôi và anh N có 02 người con chung là Vi Tuấn A sinh ngày 29/01/2010 và cháu Vi Diễm P sinh ngày 18/01/2013. Hiện nay hai cháu đang ở với anh N tại xóm R, xã L, huyện Q, tỉnh Cao Bằng và đang đi học tại trường tiểu học R, L. Tôi vẫn mong muốn được nuôi con, nếu con nhất trí thì tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vi Diễm P, tôi bảo đảm sẽ cố gắng lo cho con ăn học đầy đủ. Nhưng nếu con muốn ở với bố thì tôi cũng nhất trí để anh N nuôi cả hai con nhưng tôi phải được quyền qua lại thăm nom con. Còn vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tôi không đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của anh N vì tôi không yêu cầu chia tài sản chung. Nếu sau này anh N lấy vợ mới mà không chăm sóc con tôi không từ chối thì tôi sẽ yêu cầu chia tài sản, còn về phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi hai con của anh N đối với tôi, tôi chỉ nhất trí cấp dưỡng mức 800.000đ/con/tháng. Nếu phải cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng thì tôi đồng ý cấp dưỡng cho cháu Vi Tuấn A, còn cháu Vi Diễm P sẽ do tôi trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: yêu cầu của chị S là hoàn toàn chính đáng, bản thân tôi vẫn mong muốn hai vợ chồng hàn gắn lại tình cảm với nhau, nhưng mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, điều này được thể hiện ở các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh N yêu cầu chị S cấp dưỡng cho mỗi con 1.000.000đ/tháng hơn nữa tài sản chung của hai vợ chồng, chị S đã để lại cho con không yêu cầu chia nữa do đó bị đơn cần suy nghĩ lại mức cấp dưỡng nuôi con cho chị S.

Tại bản tự khai ngày 27 tháng 5 năm 2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn Vi Văn N trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Tôi và chị S tự nguyện lấy nhau, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật như chị S trình bày. Ban đầu chúng tôi sống hạnh phúc, về sau đúng là có mâu thuẫn, có chuyện cãi vã, các bác trong xóm cũng đã hòa giải nhưng vợ tôi vẫn chứng nào tật nấy, cũng có chuyện tôi tát

vợ khiến vợ phải nhập viện nhưng nguyên nhân là do vợ tôi bỏ đi không về. Tôi đã không còn tình cảm vợ chồng với chị S, nên tôi đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị S.

Về con chung: Tôi và chị S có hai người con chung đúng như chị S trình bày. Tôi không đồng ý cho chị S nuôi con, tôi hứa sẽ chăm sóc hai con thật tốt không để cho các con thiệt thòi. Các con cũng có nguyện vọng muốn ở với tôi, tôi nghĩ các con đủ khả năng suy nghĩ nên cần tôn trọng ý kiến của các con. Tôi vẫn yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con, nhưng về mức cấp dưỡng tôi giảm từ 2.000.000đ/tháng cho mỗi con xuống còn 1.000.000đ/tháng cho mỗi con, mỗi quý gửi một lần.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 27/5/2021 cháu Vi Tuấn A sinh ngày 29/01/2010 trình bày: Cháu là con của bố N và mẹ S. Cháu năm nay 11 tuổi, cháu đang đi học tại trường tiểu học Y, xã L. Cháu ở với bố tại xóm R, xã L, huyện Q, tỉnh Cao Bằng từ khi còn bé. Bố mẹ cháu ở riêng được khoảng 02 năm, mẹ về nhà bà ngoại ở, không thấy mẹ về thăm hoặc đưa quà cho cháu bao giờ. Hiện nay cuộc sống của cháu rất tốt, bố đối xử tốt với cháu, cháu vẫn được bố lo cho ăn học bình thường. Nếu mẹ không về ở với bố nữa thì cháu vẫn muốn tiếp tục ở với bố vì bố rất thương cháu, bà nội ở nhà cũng rất thương cháu. Đây là nguyện vọng của cháu.

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 27/5/2021 cháu Vi Diễm P sinh ngày 18/01/2013 trình bày: Cháu là con của bố N và mẹ S. Cháu năm nay 8 tuổi, cháu đang học lớp 2 trường tiểu học Y, xã L. Từ khi bé cháu đã ở với bố và bà nội tại xóm R, L. Từ khi cháu còn nhỏ mẹ đã bỏ đi rồi, bố mẹ cháu đã ở riêng lâu, không thấy mẹ và bà ngoại về thăm cháu bao giờ. Hiện nay cuộc sống của cháu rất tốt, bố đối xử tốt với cháu, hay mua quà cho cháu và lo cho cháu ăn học bình thường. Nếu mẹ không về ở với bố nữa thì cháu vẫn muốn tiếp tục ở với bố vì bố và bà nội rất thương cháu. Đây là nguyện vọng của cháu.

Vụ án đã được hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng quyết định:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 63, 147, 227, 228, 235, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” của chị Nông Thị S đối với anh Vi Văn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nông Thị S với anh Vi Văn N (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04/20210 ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban nhân dân xã Y (nay là xã L) huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

2. Về quan hệ con chung: Chị Nông Thị S và anh Vi Văn N có hai người con chung là Vi Tuấn A sinh ngày 29/01/2010 và cháu Vi Diễm P sinh ngày 18/01/2013.

Giao cháu Vi Tuấn A sinh ngày 29/01/2010 và cháu Vi Diễm P sinh ngày 18/01/2013 cho anh Vi Văn N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Nông Thị S phải có trách nhiệm cấp dưỡng hàng tháng cho hai cháu Vi Tuấn A ngày 29/01/2010 và cháu Vi Diễm P sinh ngày 18/01/2013 mỗi cháu là 800.000đ/cháu/tháng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 13/7/2021.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Tòa án không xem xét gì thêm.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27 tháng 7 năm 2021 nguyên đơn Nông Thị S có đơn kháng cáo đối với bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Tại đơn kháng cáo chị S đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con, ngoài ra những nội dung khác chị đều nhất trí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Nông Thị S giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Vi Văn N trình bày sau khi xét xử sơ thẩm

anh không kháng cáo, anh nhất trí với bản án của sơ thẩm tuy nhiên anh không nhất trí với kháng cáo của chị S, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của chị S.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – Luật sư Nguyễn Đ trình bày: Tới thời điểm hiện tại, chị S đã có đủ điều kiện về nơi ở, kinh tế để đảm bảo cho cuộc sống và nuôi con, thể hiện bằng Đơn đề nghị xác nhận tài sản có xác nhận của UBND xã L nộp cho Tòa án vào ngày 15 tháng 9 năm 2021. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét kháng cáo của chị S, giao con chung là cháu Vi Diễm P cho chị S được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và yêu cầu mỗi người nuôi một con chung sẽ không phải cấp dưỡng nuôi con chung nữa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – Trợ giúp viên pháp lý Bé Văn B trình bày: Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, do điều kiện khi đó chị S đang tập kết vật liệu xây nhà nên mới có đơn xin xác nhận hoàn cảnh. Nay chị S đã có nhà, đủ điều kiện về vật chất, ngoài ra chị còn có công việc làm nông, đủ điều kiện để nuôi con. Cháu P là con gái đang trong quá trình phát triển tâm sinh lý, việc ở với mẹ sẽ tạo điều kiện cho cháu phát triển tốt hơn. Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nông Thị S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Giữa anh Vi Văn N và chị Nông Thị S có hai người con chung là cháu Vi Tuấn A và cháu Vi Diễm P, hiện nay cả hai con chung đều chưa thành niên. Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên và việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên sau khi ly hôn là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ, khi xem xét giao con chung cho cha hoặc mẹ nuôi dưỡng, cần phải xem xét đến quyền lợi của các con, cũng như điều kiện, hoàn cảnh của cha mẹ. Xét thấy về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung: anh N có nhà ở, có thu nhập từ việc làm rẫy, có nguyện vọng nuôi con chung, các con chung đang ở với anh N được đi học tại trường tiểu học R. Còn chị S trong quá trình giải quyết ở cấp phúc thẩm, chị cung cấp thêm tài liệu là đơn đề nghị xác nhận tài sản, cụ thể chị S có 01 nhà cấp 4 mới xây tại xóm R, xã L, huyện Q, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda mang tên Nông Thị S và chị có thu nhập từ việc làm rẫy. Chị S cũng cho biết sức khỏe của chị đã ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Vi Diễm P.

Như vậy, anh N và chị S có điều kiện chăm sóc con chung như nhau, tuy nhiên cháu Vi Diễm P là bé gái về điều kiện chăm sóc, giáo dục giới tính thì đề chị S trực tiếp giáo dục, giải đáp và trao đổi thuận tiện cụ thể rõ ràng hơn, anh N là nam sẽ không phù hợp bằng chị S trong việc chăm sóc, giáo dục cháu P. Và việc giao cho anh N, chị S mỗi người đều được chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là phù hợp với điều kiện kinh tế, hoàn cảnh thực tế của các bên, đảm bảo

được quyền lợi, sự phát triển về mọi mặt của các con chung và phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó chị Nông Thị S kháng cáo yêu cầu giao con chung Vi Diễm P, sinh ngày 18/01/2013 cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ chấp nhận. Từ những phân tích đánh giá như trên, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Nông Thị S. Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi xem xét đơn kháng cáo; tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn Nông Thị S trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị S và anh Vi Văn N cùng trú tại xóm R, xã L, huyện Q, tỉnh Cao Bằng về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo và căn cứ kháng cáo của nguyên đơn Nông Thị S:

Ngày 22/7/2021 nguyên đơn Nông Thị S có đơn kháng cáo đối với Bản Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, ngoài đơn kháng cáo bị đơn nộp 01 bản photo của bản án sơ thẩm. Trong đơn kháng cáo chị S yêu cầu được nuôi cháu Vi Diễm P sinh ngày 18/01/2013, về phần cấp dưỡng chị yêu cầu mỗi người nuôi một con do đó không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Ngày 15/9/2021 nguyên đơn Nông Thị S nộp thêm 01 tài liệu Đơn đề nghị xác nhận tài sản, thể hiện chị có 01 nhà xây cấp 4, 01 xe máy và có thu nhập từ việc làm nông và chăn nuôi, đủ điều kiện để nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại cấp sơ thẩm, chị S trình bày chị hoàn cảnh khó khăn, bản thân nhiều bệnh tật, cuộc sống đều dựa vào gia đình em trai. Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm, chị S đã cung cấp thêm tài liệu chứng cứ thể hiện chị đã có nhà, có thu nhập từ việc làm nông và chăn nuôi, cam kết đủ điều kiện để nuôi con. Chị yêu cầu được nuôi cháu Vi Diễm P sinh ngày 18/01/2013. Xét thấy, chị S anh N có 02 con chung, việc giao cả hai con chung cho một mình anh N nuôi dưỡng là không hợp lý, bởi lẽ xét về điều kiện kinh tế hiện nay, anh N và chị S có điều kiện tương đương nhau, hơn nữa anh N đã từng uống rượu và có hành vi bạo lực gia đình, đã bị cơ quan cảnh sát điều tra xử phạt hành chính. Như vậy, cần giao cháu Vi Diễm

P cho chị S nuôi dưỡng sẽ hợp lý hơn bởi cháu P là con gái đang trong quá trình phát triển về tâm sinh lý, nếu có mẹ chăm sóc nuôi dưỡng sẽ đảm bảo cháu được phát triển toàn diện hơn là ở với bố. Kháng cáo của nguyên đơn Nông Thị S là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Các quyết định khác không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của nguyên đơn Nông Thị S được Tòa án chấp nhận nên chị S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Nông Thị S, sửa Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 13/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ các Điều 28, 37, 38, 39, 64, 147, 293 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” của chị Nông Thị S đối với anh Vi Văn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nông Thị S với anh Vi Văn N (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04/20210 ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban nhân dân xã Y (nay là xã L) huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

2. Về con chung: Chị Nông Thị S và anh Vi Văn N có hai người con chung là Vi Tuấn A sinh ngày 29/01/2010 và cháu Vi Diễm P sinh ngày 18/01/2013.

Giao con chung Vi Tuấn A sinh ngày 29/01/2010, giới tính Nam cho anh Vi Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Giao con chung Vi Diễm P sinh ngày 18/01/2013, giới tính Nữ cho chị Nông Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng: Không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng.

4. Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Tòa án không xem xét gì thêm.

5. Về án phí: Chị Nông Thị S phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Cao Bằng theo biên lai thu tiền tạm ứng số AB/2012/01422 ngày 07/5/2021. Nay chị S được hoàn lại số tiền 225.000 đồng.

Anh Vi Văn N phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước..

Chị Nông Thị S được hoàn lại 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2012/01435 ngày 04/8/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh CB;
- CCTHADS huyện Q;
- TAND huyện Q;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nông Bế Chiến